TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DSST
Ngày: 24-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuần**.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/TLST–DS ngày 26-11-2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXXST-DS, ngày 07-3-2025 và Thông báo dời lịch xét xử vụ án dân sự ngày 17-3-2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp Đ2, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Đang chấp Hành án tại Trại giam Đ3; Địa chỉ: Ấp H, xã Đ3, huyện TS, tỉnh An Giang (Có đơn xin vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp Đ2, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 20/7/2019 (âm lịch, dây hụi số 22) bà có tham gia góp hụi do bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 làm chủ hụi (tên thường gọi X), hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 2.000.000 đồng, có 17

phần, hụi tháng, huê hồng đầu thảo hưởng 800.000 đồng/lần hốt, chủ hụi có giao danh sách hụi viên cho bà (tên 9 H1), việc tham gia góp hụi chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi cũng không có ghi họ tên hụi viên cụ thể (ghi tên thường gọi), bà tham gia 02 phần, cụ thể từng lần khui hụi như sau:

Lần 01: Hụi viên bỏ thăm 600.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.400.000 đồng x 02 phần bằng 2.800.000 đồng;

Lần 02: Hụi viên bỏ thăm 600.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.400.000 đồng x 02 phần bằng 2.800.000 đồng;

Lần 03: Hụi viên bỏ thăm 650.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.350.000 đồng x 02 phần bằng 2.700.000 đồng;

Lần 04: Hụi viên bỏ thăm 650.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.250.000 đồng x 02 phần bằng 2.700.000 đồng;

Lần 05: Hụi viên bỏ thăm 600.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.400.000 đồng x 02 phần bằng 2.800.000 đồng;

Lần 06: Hụi viên bỏ thăm 650.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.250.000 đồng x 02 phần bằng 2.700.000 đồng;

Lần 07: Hụi viên bỏ thăm 710.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.290.000 đồng x 02 bằng 2.580.000 đồng;

Lần 08: Hụi viên bỏ thăm 850.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.150.000 đồng x 02 phần bằng 2.300.000 đồng;

Lần 09: Hụi viên bỏ thăm 1.250.000 đồng, bà đóng hụi sống 750.000 đồng x 02 phần bằng 1.500.000 đồng;

Lần 10: Hụi viên bỏ thăm 1.000.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.000.000 đồng x 02 phần bằng 2.000.000 đồng;

Lần 11: Hụi viên bỏ thăm 800.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.200.000 đồng x 02 phần bằng 2.400.000 đồng;

Lần 12: Hụi viên bỏ thăm 880.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.120.000 đồng x 02 phần bằng 2.240.000 đồng;

Lần 13, bà T úp hụi đồng loạt, sau khi bà T úp hụi bà có làm đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu trả số tiền hụi đã đóng bằng 29.520.000 đồng, sau đó bà T bị Công an khởi tố về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", dây hụi trên chưa được giải quyết trong bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST, ngày 15/02/2023. Qua ý kiến của bà T trình bày tại hồ sơ Công an bà thống nhất dây hụi trên bà đóng 11 lần hụi sống mỗi phần bằng 13.330.000 đồng.

Ngoài ra bà còn tham gia góp hụi của bà T, ông T2 chưa được giải quyết cụ thể gồm:

(1) Ngày 05/7/2019, bà T có làm chủ dây hụi, loại hụi 3.000.000 đồng, hụi tháng, có 12 phần, bà tham gia 01 phần (tên 9 H1), bà bỏ thăm hốt hụi ở lần thứ 09, số tiền bỏ thăm 1.500.000 đồng, dây hụi còn lại còn lại 03 lần khui mới mãn

hụi, bà đồng ý trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận cho bà T bằng 4.500.000 đồng và đồng ý cấn trừ vô dây hụi bà đang khởi kiện.

(2) Ngày 25/9/2019 bà T có làm chủ dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi vụ, có 13 phần, bà tham gia 01 phần (tên 9 H1), bà bỏ thăm hốt hụi ở lần thứ 10, số tiền bỏ thăm 400.000 đồng, hụi đã khui đến lần thứ 12, còn lại 01 lần khui mới mãn hụi, bà đồng ý trả lại 01 lần tiền hụi đã nhận bằng 600.000 đồng và đồng ý cấn trừ vô dây hụi bà đang khởi kiện.

(3) Còn dây hụi mở ngày 25/9/2019, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng, có 18 phần, bà tham gia 01 phần (tên 9 H1) mà bà T trình bày và yêu cầu đã được giải quyết xong trong bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST ngày 15/02/2023, yêu cầu không giải quyết lại.

Như vậy số tiền hụi bà yêu cầu ở dây hụi trên bằng 26.660.000 đồng, bà đồng ý cấn trừ lại 02 dây hụi bà còn nợ bà T bằng 5.100.000 đồng, sau khi cấn trừ số tiền còn lại bà T và ông T2 còn phải trả cho bà bằng 21.560.000 đồng.

Bà tham gia góp hụi của bà T thường không có đi khui hụi, sau khi khui hụi bà T lại nhà bà thu tiền hụi, bà T nói số tiền bao nhiêu thì bà đóng rồi tự ghi vào giấy của mình theo dõi, có khi bà T cũng không có nói ai là người hốt hụi, bà ghi theo thứ tự từ trên xuống cho tiện theo dõi số tiền hụi đã đóng (có khi cũng không đúng người hốt hụi trong danh sách hụi viên), đóng tiền hụi cũng không có ghi giấy tờ gì.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 cùng có trách nhiệm trả cho bà H 11 lần hụi sống đã đóng x 02 phần bằng 21.560.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 20/7/2019 (âm lịch, dây hụi số 22), bà có làm chủ dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, có 17 phần, hụi tháng, huê hồng đầu thảo hưởng 800.000 đồng/lần hốt, bà có giao danh sách hụi viên cho tất cả hụi viên tham gia theo dõi, bà Nguyễn Thị H (tên 9 H1), tham gia 02 phần. Qua làm việc tại hồ sơ Công an bà thừa nhận dây hụi trên bà H đóng 11 lần hụi sống mỗi phần bằng 13.330.000 đồng x 02 phần bằng 26.660.000 đồng.

Ngoài ra các dây hụi bà H khởi kiện, bà H còn tham gia góp hụi của bà cụ thể như sau:

(1) Ngày 05/7/2019, bà T có làm chủ dây hụi, loại hụi 3.000.000 đồng, hụi tháng, có 12 phần, bà H tham gia 01 phần (tên 9 H1), bà H bỏ thăm hốt hụi ở lần thứ 09, số tiền bỏ thăm 1.500.000 đồng, dây hụi còn 03 lần khui mới mãn hụi, bà T có yêu cầu bà H trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 4.500.000 đồng, yêu cầu cấn trừ lại.

(2) Ngày 06/11/2016, bà T có làm chủ dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi vụ, có 13 phần, bà H tham gia 01 phần (tên 9 H1), bà H bỏ thăm hốt hụi ở lần thứ 10, số tiền bỏ thăm 400.000 đồng, hụi đã khui đến lần thứ 12, còn lại 01 lần khui mới mãn hụi, bà T có yêu cầu bà H trả lại 01 lần tiền hụi đã nhận bằng 600.000 đồng, yêu cầu cấn trừ lại.

(3) Ngày 25/9/2019, bà T có làm chủ dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng, có 18 phần, bà H tham gia 01 phần (tên 9 H1), bà H bỏ thăm hốt hụi ở lần thứ 08, số tiền bỏ thăm 710.000 đồng, hụi đã khui đến lần thứ 10, còn lại 06 lần khui mới mãn hụi, bà T yêu cầu bà H trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 7.740.000 đồng, yêu cầu cấn trừ lại.

Sau khi cấn trừ với tiền hụi bà H khởi kiện số tiền còn lại bà T đồng ý một mình trả cho bà H, tiền hụi này không liên quan đến ông T2 chồng bà, yêu cầu không tính lãi.

Những dây hụi bà T trình bày và yêu cầu, sau khi đối chiếu với bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 nếu dây hụi nào đã được giải quyết xong, bà T đồng ý bỏ ra.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T, việc tổ chức khui hụi và thu tiền hụi của hụi viên là bà T tự làm một mình, không liên quan đến ông, nợ tiền hụi mà các hụi viên khởi kiện là nợ riêng của bà T, để cho bà T trả, ông không có trách nhiệm trả nợ chung với bà T cho các hụi viên khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện (Bản chính); danh sách hụi viên, loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2019 (bản photo), bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST ngày 15/02/2023; CCCD (photo); Bị đơn không có cung cấp chứng cứ;

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Bà Nguyễn Thị H có tham gia dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2019, hụi tháng và đóng được 11 lần hụi sống.

Bà Nguyễn Thị T đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị H 11 lần tiền hụi sống đã đóng x 02 phần bằng 26.660.000 đồng (Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2019).

Bà Nguyễn Thị H đồng ý trả lại tiền hụi đã nhận cho bà T bằng 5.100.000 đồng và đồng ý cần trừ vào tiền hụi bà H khởi kiện.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Văn T2 cùng có trách nhiệm trả tiền hụi cho bà H.

Bà Nguyễn Thị T đồng ý một mình trả tiền hụi còn nợ cho bà Nguyễn Thị H, không liên quan đến ông T2 chồng bà.

Ông Nguyễn Văn T2 không đồng ý cùng với bà Nguyễn Thị T trả nợ tiền hụi cho bà Nguyễn Thị H, đây là nợ riêng của bà T, không liên quan đến ông.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng

trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Văn T2 cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H 11 lần tiền hụi sống đã đóng x 02 phần bằng 21.560.000 đồng (Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2019, dây số 22). Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện T theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T; Bị đơn không có yêu cầu phản tố;

Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] Đối với dây hụi mở ngày 25/9/2019, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng, có 18 phần, bà H tham gia 01 phần (tên 9 H1), bà T yêu cầu bà H trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 7.740.000 đồng. qua đối chiếu với bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 thì dây hụi này đã được giải quyết xong, cho nên không giải quyết lại.

[3] V*ề nội dung*: Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T có lời khai thống nhất, vào ngày 20/7/2019 bà Nguyễn Thị H (9 H1) có tham gia dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng do bà T làm chủ hụi, bà H tham gia 02 phần, hụi đã khui đến lần thứ 11, bà H đóng hụi sống tổng cộng bằng 26.660.000 đồng.

Ngoài dây hụi trên bà H và bà T còn khai (1) ngày 05/7/2019, bà T có làm chủ dây hụi, loại hụi 3.000.000 đồng, hụi tháng, có 12 phần, bà H tham gia 01 phần (tên 9 H1), bà H bỏ thăm hốt hụi ở lần thứ 09, số tiền bỏ thăm 1.500.000 đồng, dây hụi còn 03 lần khui mới mãn hụi, bà T có yêu cầu bà H trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 4.500.000 đồng và (2) ngày 06/11/2016, bà T có làm chủ dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi vụ, có 13 phần, bà H tham gia 01 phần (tên 9 H1), bà H bỏ thăm hốt hụi ở lần thứ 10, số tiền bỏ thăm 400.000 đồng, hụi đã khui đến lần thứ 12, còn lại 01 lần khui mới mãn hụi, bà T có yêu cầu bà H trả lại 01 lần tiền hụi đã nhận bằng 600.000 đồng, tổng cộng bằng 5.100.000 đồng, bà H với bà T đồng ý cấn trừ lại tiền hụi bà H khởi kiện, sau khi cấn trừ số tiền còn lại bằng 21.560.000 đồng, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 cùng có trách nhiệm trả nợ tiền hụi đã đóng bằng 21.560.000 đồng cho bà H. Bà Nguyễn Thị T đồng ý một mình trả số tiền hụi cho bà H, bà T cho rằng việc tổ chức khui hụi là bà tự tổ chức khui và thu tiền hụi của các hụi viên, chồng và các con bà không có ai liên quan, ông T2 cho rằng bà T một mình làm chủ hụi phải tự chịu trách nhiệm, ông T2 không chịu trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ tiền hụi cho nguyên đơn.

Xét thấy, mặc dù ông Nguyễn Văn T2 không trực tiếp giao dịch tiền hụi với bà H cũng như các hụi viên khác, nhưng giao dịch góp hụi của bà T (chủ hụi) bắt đầu từ năm 2009 cho đến khi úp hụi được thực hiện trong thời kỳ bà T với ông T2 vẫn là quan hệ vợ chồng hợp pháp, bà T tổ chức khui tại nhà ông T2 biết nhưng không có phản đối, hơn nữa ông T2 cũng không chứng minh giữa ông và bà T có thỏa thuận việc thu, chi riêng trong gia đình nên trường hợp nợ của bà T vẫn phát sinh nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử buộc ông T2 và bà T phải liên đới trả nợ tiền hụi cho bà H là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là có căn cứ. Do bà H không có yêu cầu tính lãi nên không giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

[5] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 91, 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H 11 lần tiền hụi sống đã đóng x 02 phần bằng 21.560.000 đồng (Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2019, dây số 22). Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 phải chịu 1.296.000 đồng án phí. Do bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội được miễn nộp toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền 742.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006387 ngày 07-11-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh lại cho bà Nguyễn Thị H.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm